TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Bản án số: **57**/2025/DS-ST Ngày: 14-4-2025 *V/v: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Kim Anh

2. Ông Nguyễn Lương Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 23/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 23/01/2025, Thông báo tháy đổi thời gian xét số 03/TB-TA ngày 20/02/2025, ngày 10/3/2025 và 31/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Th, sinh năm: 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1961. Cùng địa chỉ: Số 37 N, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm: 1971 và bà Võ Duy Thuận T, sinh năm: 1997 thuộc Công ty Luật TNHH Đông Phương Luật – Chi nhánh Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 45 Nguyễn Khoái, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Thành có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Q; địa chỉ trụ sở: Lô 4, Khu công nghiệp N, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Xuân H, sinh năm: 1960 – Giám đốc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 60A, T, phường 1, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: Xóm 5, xã Ph, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1972; địa chỉ: phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện tại: 08/10 Đồng Kè, phường H, quận Liên Chiểu,

thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số 58 đường T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Năm 2012, vợ chồng ông Th và bà H cần vốn để kinh doanh, nhưng do gặp khó khăn về thủ tục vay vốn tại ngân hàng nên ông Th, bà H (thông qua bà H là em dâu) nhờ Công ty Q vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng với số tiền 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*). Ngày 13/01/2012, tại Phòng Công chứng số 2, ông Th ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với Ngân hàng theo hợp đồng số 012012 HĐTC; theo đó ông Th thế chấp quyền sử dụng đất là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 16 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 651978 do UBND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/02/2011.

Sau khi hoàn tất thủ tục, Ngân hàng giải ngân cho Công ty Qsố tiền 1.300.000.000 đồng và Công ty Q giao cho ông Th, bà H 02 đợt với tổng số tiền là 766.000.000 đông (*Bảy trăm sáu mươi sáu triệu đồng*); số tiền còn lại: 534.000.000 đồng (*Năm trăm ba mươi bốn triệu đồng*) Công ty Q sử dụng vào mục đích hoạt động của Công ty. Lúc này Công ty Q thỏa thuận với ông Th, bà H là sẽ thanh toán toàn bộ lãi suất cho khoản vay 1.300.000.000 đồng. Tuy nhiên từ khi vay đến năm 2017, Công ty Q không thanh toán lãi suất quy định tại hợp đồng vay vốn, nên khoản vay bị Ngân hàng đưa vào tình trạng nợ quá hạn. Đến ngày 21/4/2017, đại diện Công ty Qgồm: ông Mai Xuân H - Giám đốc và bà Nguyễn Thị H - Kế toán trưởng cùng vợ chồng ông Th, bà H lập văn bản làm việc về tài sản thế chấp Ngân hàng của ông Võ Th. Theo đó, ông Mai Xuân H xác nhận: Số tiền vay đã nhận từ Ngân hàng: 1.300.000.000 đồng; đã giao cho ông Th: 766. 000.000 đồng, số tiền còn lại 534.000.000 đồng, Công ty Q nhận hết. Trong đó: Ông H giám đốc nhận: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Số tiền 334.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu đồng), bà H – Kế toán trưởng Công ty Qnhận và có trách nhiệm giải trình với vợ chồng ông Th, bà H.

Ý kiến xác nhận của bà H: Xác nhận số tiền 334.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu đồng) bà H đã trả nợ thay cho Công ty Q, bà chịu trách nhiệm để hoàn tất việc trả nợ thay Công ty Q để Công ty Q xác nhận tổng số tiền còn nợ ông Th, bà H là 534.000.000đồng (Năm trăm ba mươi bốn triệu đồng).

Đến ngày 28/6/2017, ông Th, bà H làm đơn gửi Ngân hàng đề nghị xin thanh toán phần nợ gốc và xin miễn, giảm phần lãi vay. Ngày 30/6/2017, ông Th đã chuyển vào tài khoản của Công ty Q số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) để Công ty Q thanh toán khoản vay với Ngân hàng nên không còn vướng mắc gì với Ngân hàng.

Việc ông Th, bà H thanh toán dứt điểm khoản vay mà Công ty Q vay, ông Th thế chấp bằng tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất. Như vậy số tiền 534.000.000đ mà Công ty Q giữ lại trước đây để phục vụ hoạt động của Công ty phải thanh toán lại cho ông Th, bà H. Tuy nhiên, từ tháng 7 năm 2017 đến nay, ông Th, bà H liên tục đòi khoản nợ này nhưng Công ty Q, Ông: Mai Xuân H, giám đốc; bà: Nguyễn Thị H, kế toán trưởng, luôn trốn tránh, không chịu thanh toán số tiền nợ trên. Vì vậy, vợ chồng ông Th, bà H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho

cho vợ chồng ông Th, bà H số tiền còn nợ là 534.000.000đ (*Năm trăm ba mươi bốn triệu đồng*) và tiền lãi theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, là 10%/năm (tương đơng 0.83%/tháng = 0.027%/ngày) cho khoản tiền Công ty Qchiếm giữ, tính từ thời điểm ngày 01/7/2017 đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 13/4/2025 (07 năm 09 tháng 12 ngày, tương đơng 2.802 ngày) là: 534.000.000đ x 2.802 ngày x 0.027%/01 ngày = 403.992.360 đồng (*Bốn trăm lẻ ba triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn ba tẳm sáu mươi đồng*).

Tổng cộng: (1) + (2) = 534 000 000đ + 403.992.360 đ = 937.992.360đ (*Chín trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi đồng*). Trả một lần ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, tại bản tự khai ngày 01/12/2022, ông Mai Xuân H trình bày: Năm 2012, vợ chồng ông Võ Th và bà Nguyễn Thị H có nhờ Công ty TNHH Q ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng để vay số tiền 1.300.000.000 đồng; để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng ông Th, bà H đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 16 do vợ chồng ông Th đứng tên chủ sở hữu. Sau khi Ngân hàng giải ngân số tiền 1.300.000.000 đồng thì Công ty Q có nhận lại số tiền 200.000.000 đồng để trả lãi Ngân hàng cho khoản vay của vợ chồng ông Th, số tiền còn lại 1.100.000.000 đồng Công ty giao lại cho vợ chồng ông Th.

Đối với số tiền vay 1.300.000.000 đồng thế chấp bằng tài sản của vợ chồng ông Th nên vợ chồng ông Th đã trực tiếp trả khoản nợ trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

Nay ông Th, bà H khởi kiện yêu cầu Công ty Qtrả số tiền nợ 534.000.000 đồng và lãi suất thì ông không đồng ý vì thực tế Công ty chỉ nhận số tiền 200.000.000 đồng; còn số tiền 1.100.000.000 đồng Công ty đã đưa cho ông Th, bà H. Hiện ông Th, bà H trình bày các khoản tiền đã trả và còn nợ thì ông hoàn toàn không biết gì về việc này, tất cả đều do kế toán của Công ty là bà Nguyễn Thị H trả cho ông Th và bà H. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông tại các phiên họp, hòa giải và tại các phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Nguyễn Thị H trình bày:* Ngày 13/01/2012, Công ty TNHH Q có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng số tiền 1.300.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Th, bà H tại Hợp đồng số 012012/HĐTD ngày 13/01/2012. Sau đó, ông Th trực tiếp thanh toán khoản nợ thay cho Công ty TNHH Q số tiền 1.300.000.000 đồng theo giấy nộp tiền Ngân hàng ngày 30/6/2017.

Ngày 21/4/2017, tại Công ty TNHH Q gồm: đại diện phía Công ty là ông Mai Xuân H – giám đốc và bà là kế toán trưởng đã xác nhận thanh toán cho ông Võ Th số tiền 766.000.000 đồng; Công ty TNHH Q còn nợ lại số tiền 534.000.000 đồng. Theo biên bản này ông Mai Xuân H xác nhận đã nhận số tiền 200.000.000 đồng, số tiền 334.000.000 đồng, ông H yêu cầu bà H giải trình và số tiền này bà H đã trả nợ tiền gốc và lãi là 334.000.000 đồng cho khoản vay mà Công ty nợ bà Phan Thị Thanh T theo giấy vay tiền ngày 13/01/2012.

- *Bà Phan Thị Thanh T trình bày:* Theo giấy vay tiền ngày 13/01/2012 thì ông Mai Xuân H – giám đốc Công ty Qcó vay của bà số tiền 300.000.000 đồng. Tuy

nhiên, hiện nay bà không còn nhớ vì sự việc trên xảy ra quá lâu. Ngoài ra, bà Thành không có ý kiến gì về số tiền trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Q phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Th, bà H tổng số tiền là 937.992.360 đồng; trong đó tiền gốc là 534.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2017 đến này là 403.992.360 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Công ty TNHH Q có trụ sở chính tại lô 4, Khu công nghiệp N, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông Võ Th và bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả số tiền còn nợ là 534.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Tại biên bản làm việc về tài sản thế chấp Ngân hàng của ông Võ Th ngày 21/4/2017, giữa đại diện Công ty Qgồm ông Mai Xuân H – Giám đốc và bà Nguyễn Thị H – Kế toán trưởng với vợ chồng ông Võ Th và bà Nguyễn Thị H thể hiện: "Ngày 13/01/2012, ông Võ Th có bão lãnh nhà cho Công ty Qvay số tiền 1.300.000.000 đồng – Theo hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 012012HĐTC ngày 13/01/2012. Do điều kiện gia đình cần vốn làm ăn ông Võ Th đã nhận từ bà H. Lần 1 bà H đưa cho ông Th số tiền 590.000.000 đồng. Lần 2 bà H đưa cho ông Th số tiền 176.000.000 đồng; tổng cộng 766.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Số tiền còn lại 534.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi bốn triệu đồng) Công ty Q đã nhận hết; trong đó ông H giám đốc nhận 200.000.000 đồng, bà H nhận 334.000.000 đồng…". Như vậy, theo nội dung của biên bản làm việc này thì sau khi Ngân hàng giải ngân số tiền 1.300.000.000 đồng, Công ty Q đã giữ lại số tiền 534.000.000 đồng và giao lại cho ông Th số tiền 766.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với số tiền 534.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày sau khi Ngân hàng giải ngân số tiền 1.300.000.000 đồng thì bà đưa cho ông Th số tiền 766.000.000 đồng, số tiền còn lại 534.000.000 đồng thì ông H nhận tiền mặt 200.000.000 đồng, số tiền lại 334.000.000 đồng bà đã trả cho bà Phan Thị Thanh T gồm tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi 34.000.000 đồng mà Công ty đã vay của bà Thành theo giấy vay tiền ngày 13/01/2012. Xét thấy, tại giấy vay tiền ngày

13/01/2012 thể hiện ông Mai Xuân H, giám đốc Công ty TNHH Q vay của bà Phan Thị Thanh T số tiền 300.000.000 đồng. Thời gian vay 05 ngày, Công ty cam kết trả lãi và gốc đúng theo thỏa thuận; giấy vay tiền này có đóng dấu của Công ty Q. Theo chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và chứng từ giao dịch do Ngân hàng cung cấp thì ngày 13/01/2012 Công ty Qký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 1.300.000.000 đồng và đến ngày 18/01/2012 thì Ngân hàng giải ngân số tiền trên. Như vậy, thời hạn giải ngân của ngân hàng hoàn toàn phù hợp với thời hạn mà Công ty Q vay tiền và cam kết trả nợ cho bà Phan Thị Thanh T. Do đó, bà H trình bày số tiền 334.000.000 đồng bà nhận của Ngân hàng đã trả nợ cho bà Thành thay cho Công ty Qlà có cơ sở.

Đối với bà Phan Thị Thành, tại giấy vay tiền ngày 13/01/2012 bà có cho Công ty Q vay số tiền 300.000.000 đồng, nhưng khi Tòa án triệu tập bà Thành đến Tòa án để làm rõ số tiền nợ của Công ty Qthì bà có đơn trình bày do thời gian quá lâu nên bà không nhớ và không đến Tòa án để làm việc. Điều này thể hiện số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc Công ty Qnợ đã được trả nợ nên bà không quan tâm.

Đối với đại diện bị đơn, tại biên bản trình bày ngày 01/12/2022, ông H xác nhận ông Th là người trực tiếp trả số tiền vay cho Ngân hàng là 1.300.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc ông Th, bà H khởi kiện yêu cầu Công ty trả số tiền 534.000.000 đồng và lãi suất, ông không đồng ý. Vì thực tế Công ty chỉ nhận 200.000.000 đồng còn 1.100.000.000 đồng Công ty đã đưa cho ông Th, bà H. Ông Th, bà H trình bày các khoản tiền Công ty đã trả và còn nợ thì ông hoàn toàn không biết gì về việc này, tất cả đều do kế toán của Công ty là bà Nguyễn Thị H trả cho ông Th và bà H. Lời khai này của ông Th mâu thuẫn với biên bản làm việc ngày 21/4/2017 đã được ông Th xác nhận với ông Th, bà H là số tiền 534.000.000 đồng Công ty Q nhận hết. Và theo như ông H trình bày thì tất cả đều do kế toán Công ty chứ ông hoàn toàn không biết nên việc bà H khai số tiền 334.000.000 đồng bà nhận và đã trả cho bà Thành là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 403.992.360 đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì: "Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác". Như vậy, yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc Công ty TNHH Q phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Võ Th và bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là 937.992.360 đồng; trong đó tiền gốc là 534.000.000 đồng và tiền lãi là 403.992.360 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Th và bà Nguyễn Thị H về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*.

1. Buộc Công ty TNHH Q phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Võ Th và bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là **937.992.360** đồng; trong đó tiền gốc là **534.000.000** đồng và tiền lãi là **403.992.360** đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH Q phải chịu số tiền là 40.140.000 đồng *(Bốn mươi triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/4/2025); đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Văn Thể

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**